

Số: 72/2024/QĐST-HNGĐ

Định Hóa, ngày 04 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị C, sinh năm: 1991.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Ma Văn T, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không có.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị C và anh Ma Văn T.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị C và anh Ma Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Triệu Thị C và anh Ma Văn T có 02 con chung là Ma Thị Phương A, sinh ngày 02/11/2012 và Ma Thị Trà M, sinh ngày 20/7/2018. Khi ly hôn anh Ma Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là cháu A và cháu M cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Chị C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Hàng tháng chị Triệu Thị C có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ (một triệu đồng)/cháu/ tháng cho đến khi cháu A và cháu M trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị Triệu Thị C và anh Ma Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Triệu Thị C tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006317 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hoá;
- UBND xã Phúc Chu, huyện Định Hóa;
- (ĐKKH số 25 ngày 10/10/2011)
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Hồng Khánh

